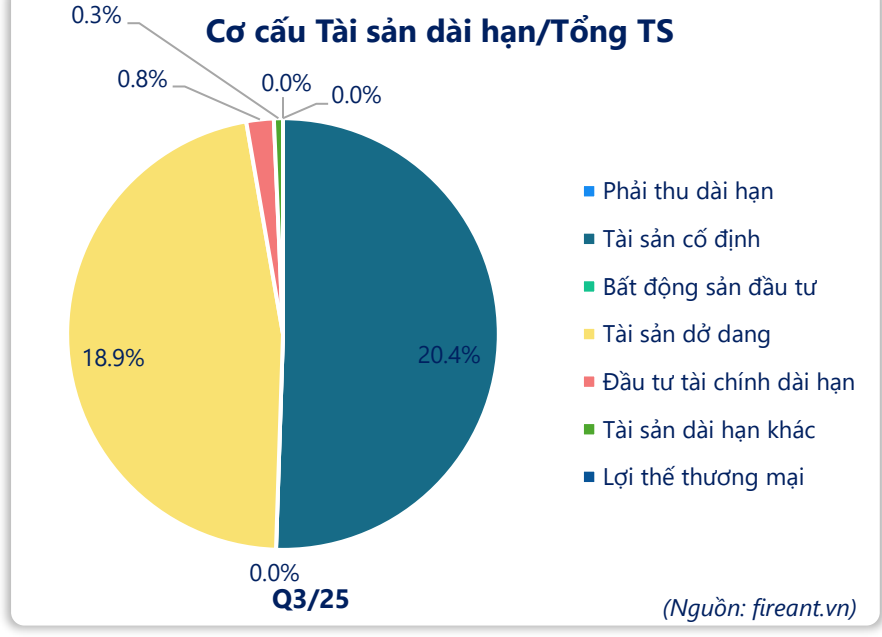
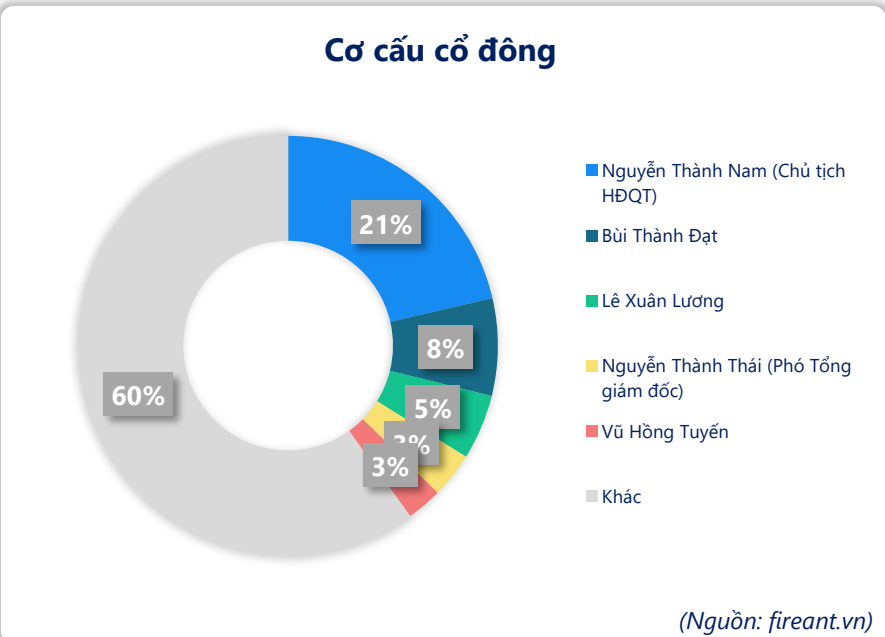
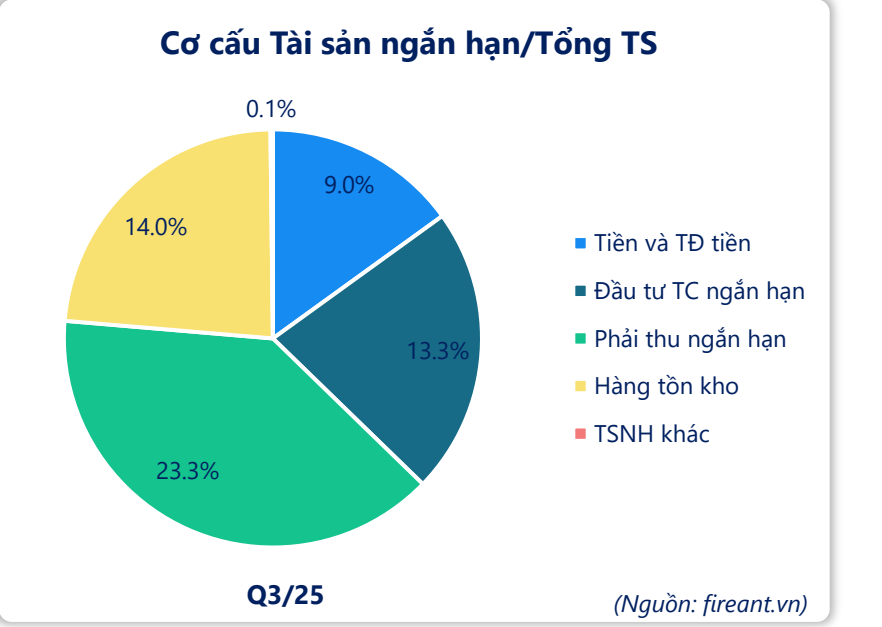
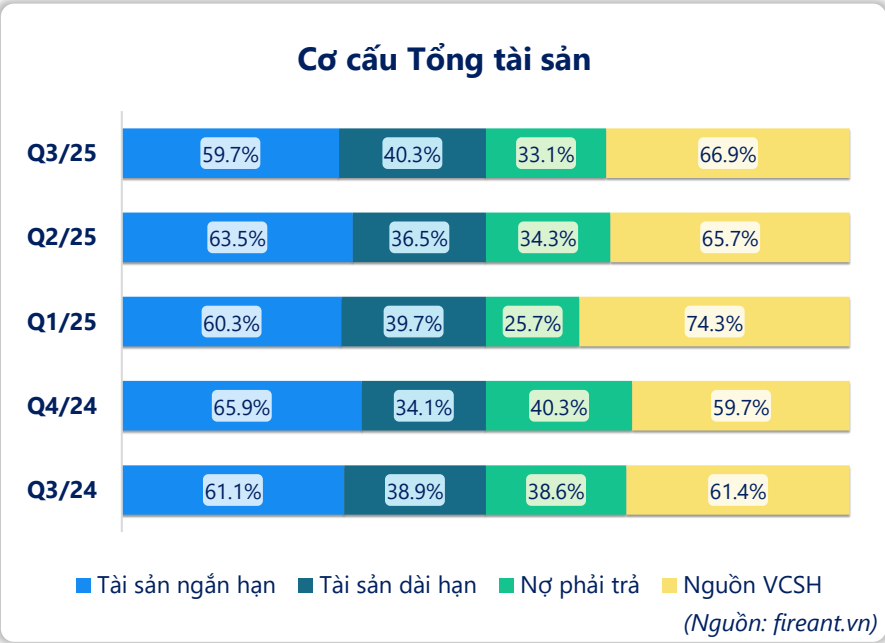
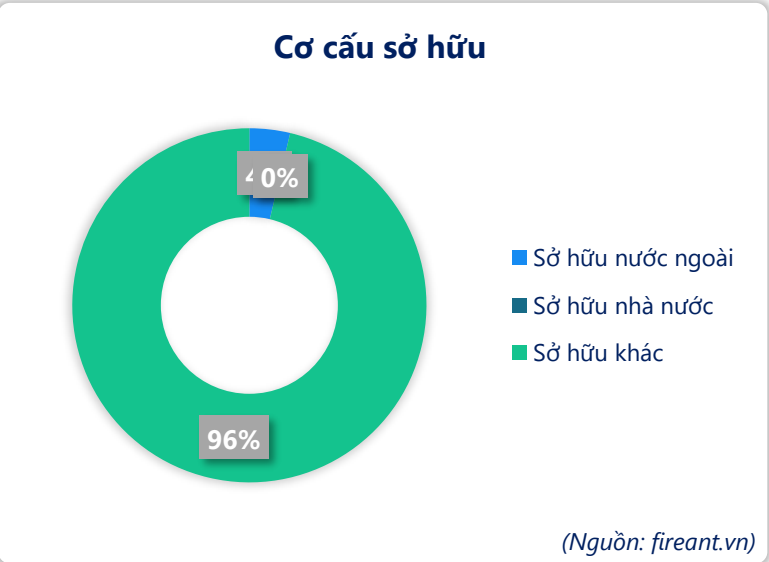
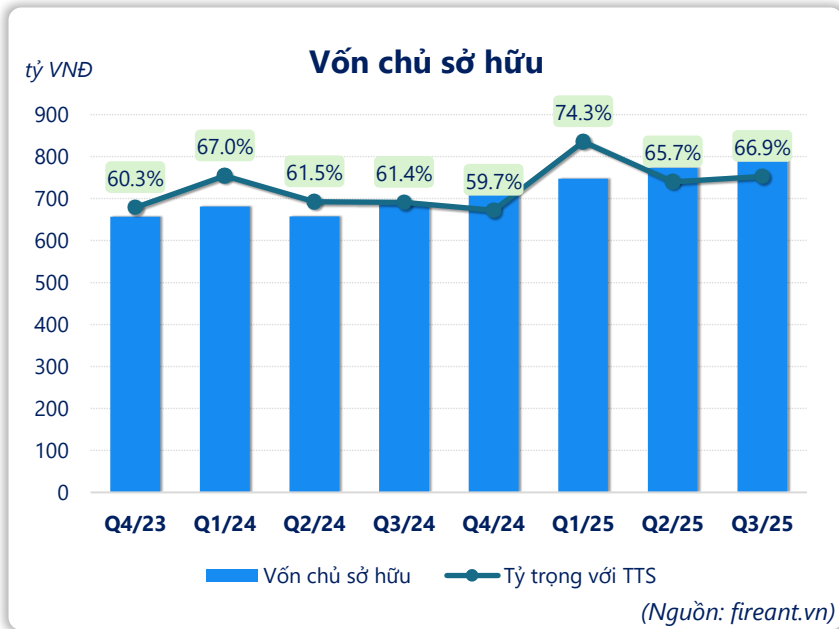
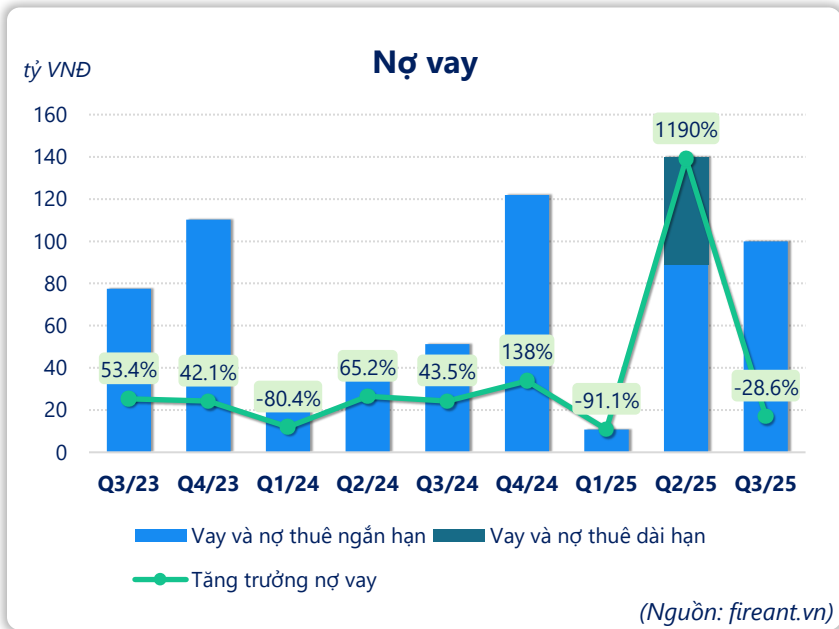
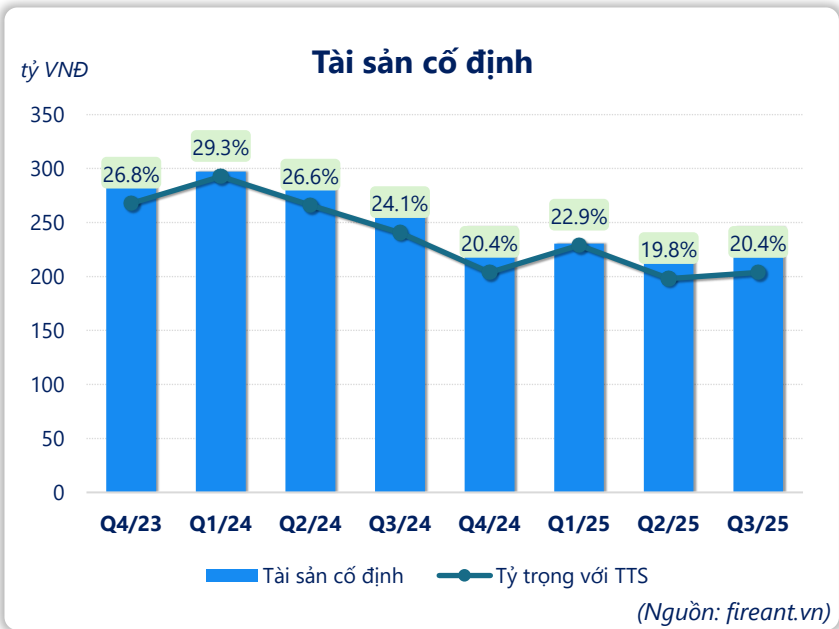
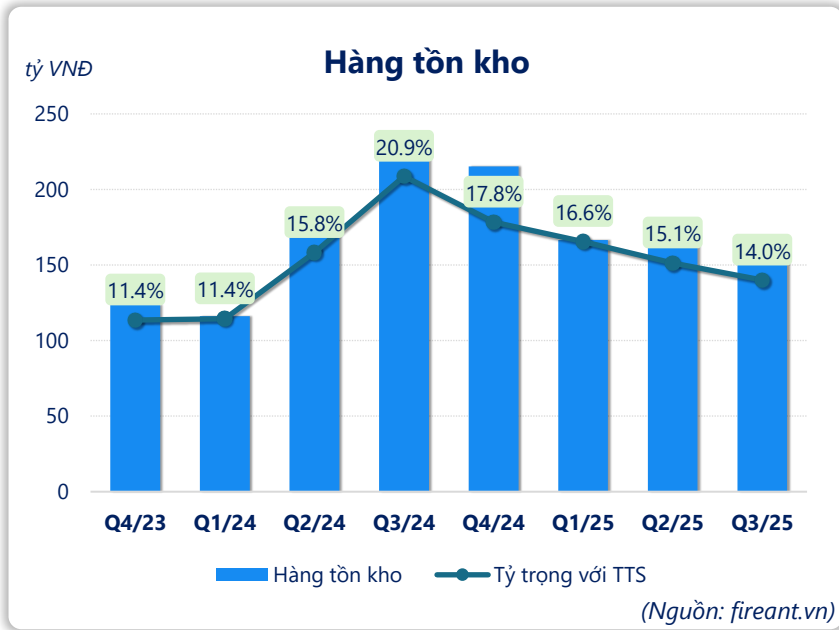
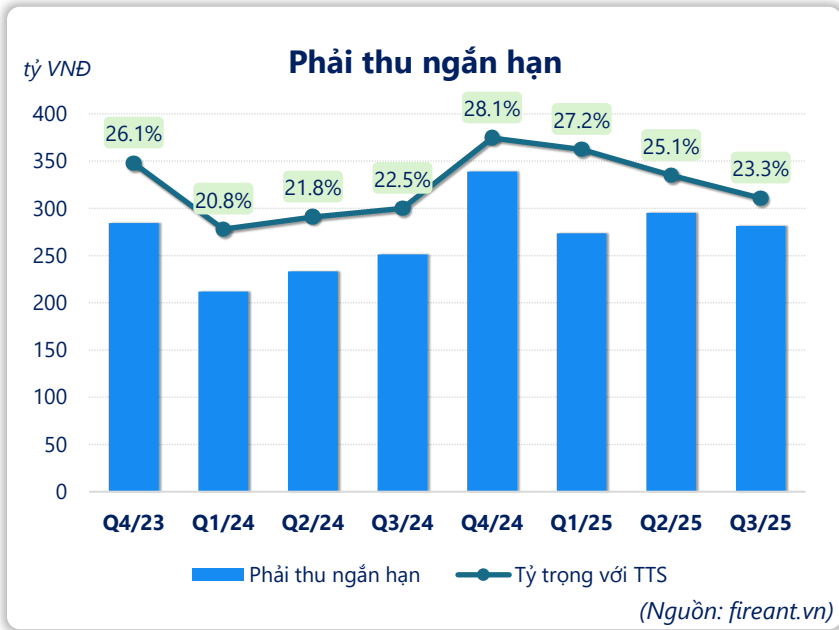
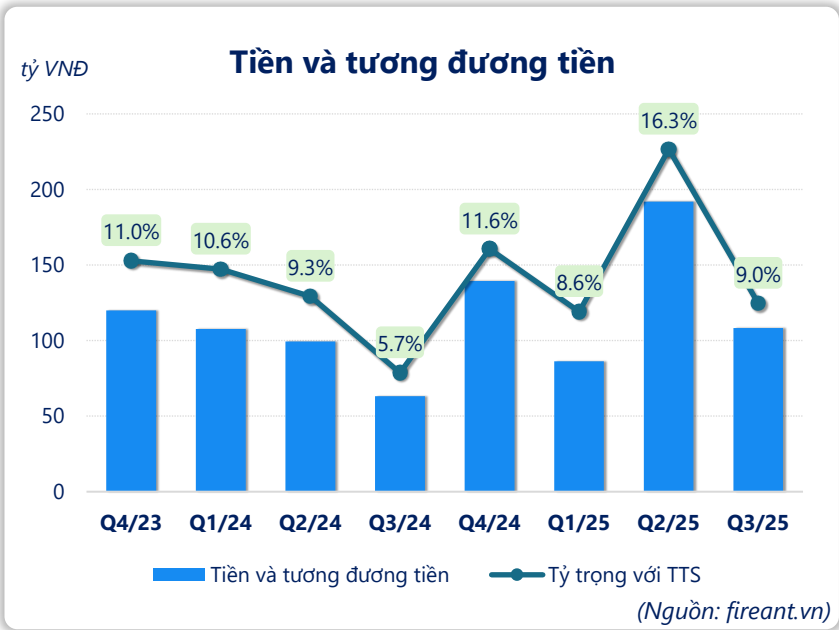
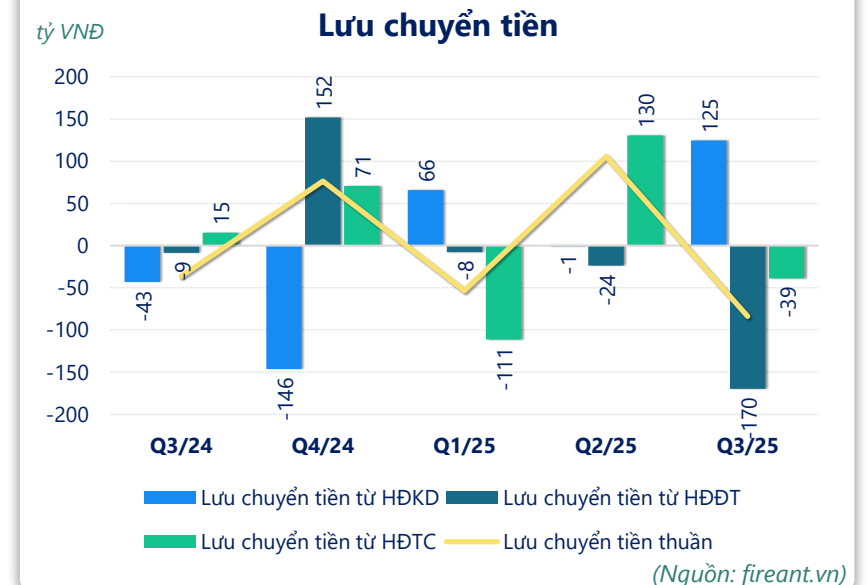
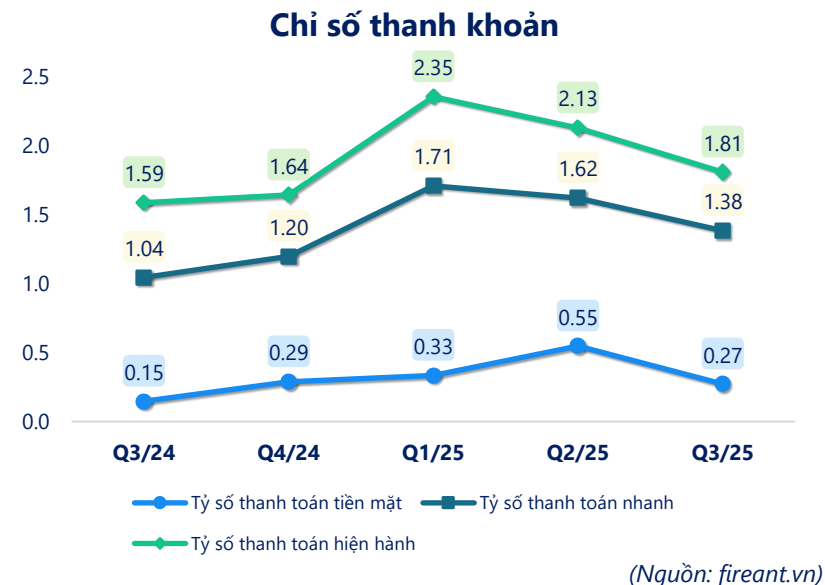
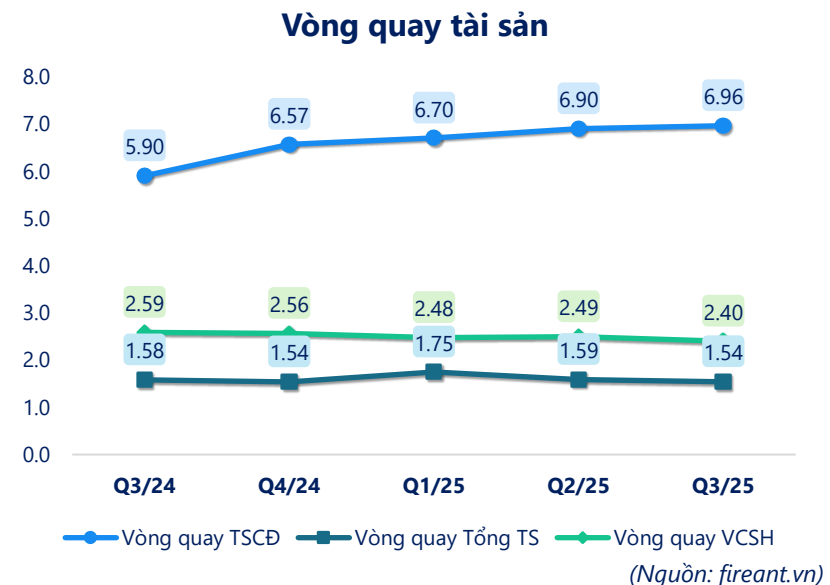
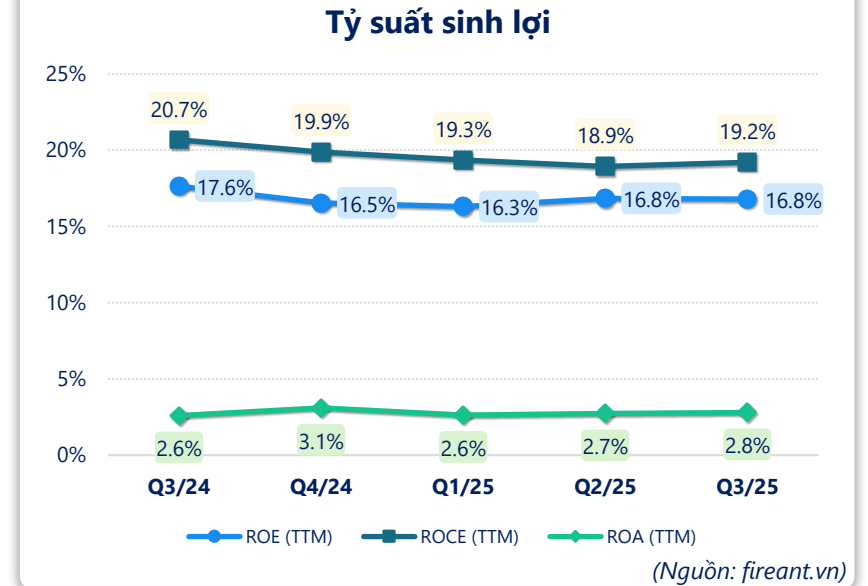
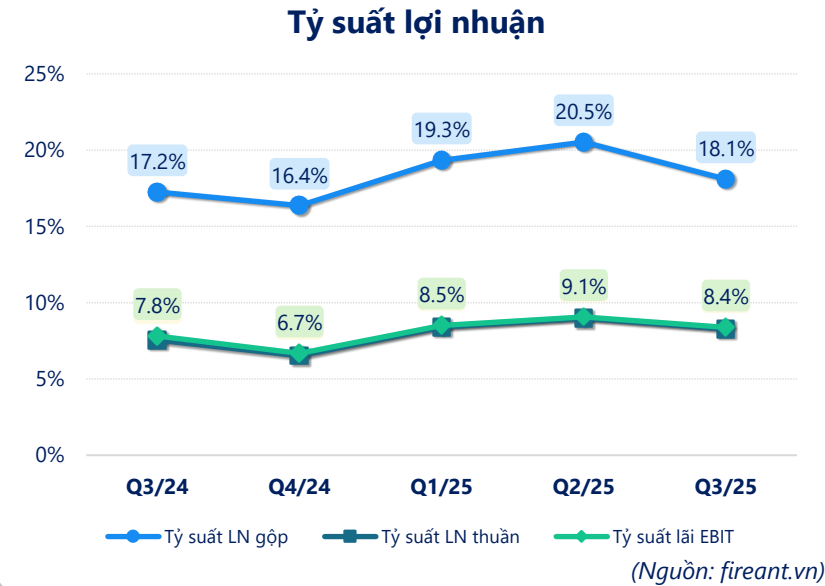
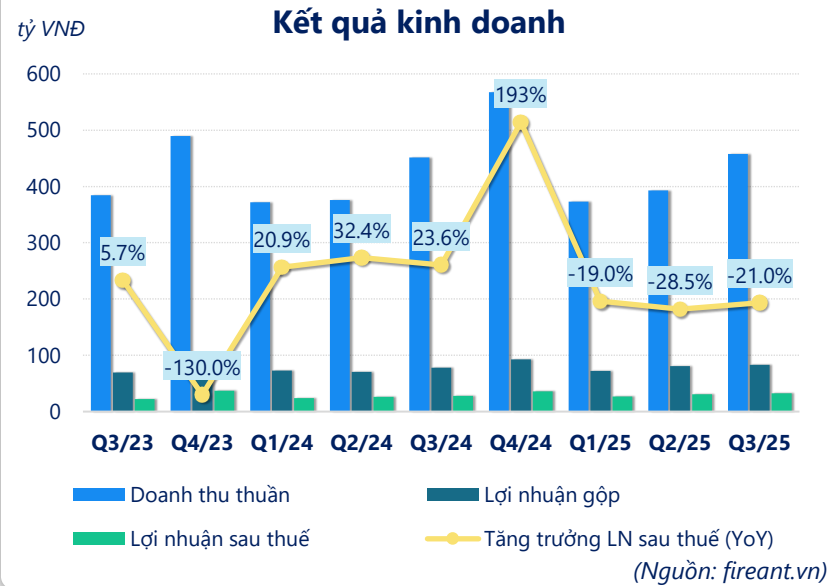


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		44,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		45,968
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		35,026
SL cổ phiếu LH		27,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		8,145
% sở hữu nước ngoài		3.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,199
P/E		9.6
EPS		4,642

	YTD	1T	3T	6T
INN	22.3%	14.3%	4.8%	17.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,206	1,207	0.0%
Tài sản ngắn hạn	720	796	-9.5%
Tiền và tương đương tiền	108	139	-22.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	160	100	60.0%
Phải thu ngắn hạn	281	339	-17.0%
Hàng tồn kho	169	215	-21.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.36	2.09	-35.1%
Tài sản dài hạn	487	411	18.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	246	246	-0.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	228	6.87	3214%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.29	148	-97.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	399	486	-17.8%
Nợ ngắn hạn	398	485	-17.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	99.9	122	-18.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	117	131	-10.4%
Nợ dài hạn	1.28	1.28	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	807	721	11.9%
Vốn chủ sở hữu	807	721	11.9%
Vốn điều lệ	180	180	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	451	567	373	393	458
Giá vốn hàng bán	374	474	301	312	375
Lợi nhuận gộp	77.8	92.8	72.2	80.7	82.8
Doanh thu HĐTC	3.18	2.10	0.60	0.06	1.99
Chi phí TC	0.68	0.63	0.32	0.28	0.36
Chi phí lãi vay	0.62	0.63	0.31	0.28	0.36
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	14.0	21.0	11.1	9.95	12.6
Chi phí QLDN	32.3	36.3	30.0	35.2	33.9
LN thuần từ HĐKD	34.1	37.0	31.4	35.3	37.9
Lợi nhuận khác	0.61	0.24	0.10	0.08	0.14
LN trước thuế	34.7	37.2	31.5	35.4	38.0
Lợi nhuận sau thuế	27.7	35.6	26.6	30.6	32.5
LNST của CĐ cty mẹ	27.7	35.6	26.6	30.6	32.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-43.1	-146	65.9	-0.92	125
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.60	152	-7.91	-23.8	-170
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.5	70.8	-111	130	-38.9
Tiền đầu kỳ	99.5	63.2	139	86.3	192
Lưu chuyển tiền thuần	-36.2	76.2	-53.2	106	-83.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	63.2	139	86.3	192	108

(Nguồn: fireant.vn)